

Chị D và anh N tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/10/2007. Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cự cãi nhau nên anh chị đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị D yêu cầu ly hôn với anh N.

Con chung tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 30/01/2007, hiện chị D nuôi dạy nên chị D yêu cầu tiếp tục nuôi dạy. Chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị D, anh N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D yêu cầu ly hôn với anh N. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa có cơ sở xử lý cho chị D và anh N được ly hôn; con chung do chị D đang nuôi dạy nên cần tiếp tục giao chị D nuôi dạy, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị xem xét. Chị D phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Hứa Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn (Hữu) N. Do chị D và anh N chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh N có địa chỉ tại ấp B, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh N không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị D

và vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Hứa Thị D và anh Nguyễn Văn (Hữu) N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/10/2007. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để chị D và anh N có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh N vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Tại phiên tòa, chị D cho rằng giữa anh chị không còn tình cảm với nhau vì vợ chồng đã ly thân với thời gian dài từ năm 2013 đến nay nên chị D bảo lưu yêu cầu xin ly hôn với anh N. Xét thấy, yêu cầu của chị D là có căn cứ nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Hứa Thị D và anh Nguyễn Văn (Hữu) N được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, chị D và anh N có con chung tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 30/01/2007 (giới tính nam). Xét thấy, chị D yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung là có căn cứ. Bởi vì, con chung hiện chị D nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Tại bản tự khai ngày 01/11/2019 cháu Đ có yêu cầu và nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị D. Do cháu Đ đã trên 07 tuổi nên yêu cầu và nguyện vọng của cháu là phù hợp theo pháp luật, được pháp luật bảo vệ. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án có thông báo cho anh N biết yêu cầu của chị D được tiếp tục nuôi dạy con chung nhưng anh N không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị D. Do đó, cần tiếp tục giao con chung cho chị D nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị D không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, chị D xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không có yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận ngày 01/11/2019 của Ủy ban nhân

dân xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận thời gian chung sống anh N và chị D không có bị ai khiếu kiện nợ tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hứa Thị D phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn (Hữu) N.

2. Về hôn nhân: Chị Hứa Thị D và anh Nguyễn Văn (Hữu) N được ly hôn.

3. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 30/01/2007 (giới tính nam) cho chị Hứa Thị D tiếp tục nuôi dạy. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hứa Thị D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm Nn đồng*). Vào ngày 10 tháng 12 năm 2019 chị D có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm Nn đồng*) theo biên lai số 0010797 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bản án này là sơ thẩm, báo cho chị D biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang